

**Phụ lục X**  
**MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG**  
 (Kèm theo Thông tư số 203/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 11 năm 2012  
 của Bộ Tài chính)

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VFA**  
 Số: 154

**BÁO CÁO**  
**Tình hình hoạt động năm 2020**  
**(từ 01/01 đến 31/12)**

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện quy định của Thông tư số 203/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính, Công ty TNHH Kiểm toán VFA báo cáo tình hình hoạt động năm 2020 như sau:

**1. Tình hình nhân viên:**

Chỉ tiêu	Năm nay		Năm trước	
	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)
I. Tổng số nhân viên đến 31/12	28	100	33	100
Trong đó:				
1. Nhân viên chuyên nghiệp	23	82	28	85
2. Nhân viên khác	5	18	5	15
II. Số người có chứng chỉ kiểm toán viên Việt Nam	7	100	7	100
1. Người Việt Nam	7	100	7	100
2. Người nước ngoài				
III. Số người được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán tại doanh nghiệp	6	100	6	100
1. Người Việt Nam	6	100	6	100
2. Người nước ngoài				
IV. Số người chỉ có Chứng chỉ KTV nước ngoài	0	0	0	0
1. Người Việt Nam				
2. Người nước ngoài				
V. Số người có Chứng chỉ hành nghề kế toán	0	0	0	0
VI. Số người có Thẻ thăm định viên về giá	2		2	
VII. Số người có Chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế	0	0	0	0

**2. Tình hình doanh thu:**

**2.1. Cơ cấu doanh thu theo loại dịch vụ:**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm nay		Năm trước	
	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
Tổng doanh thu	10.610.151.694	100	10.542.466.231	100
Trong đó:				
1. Kiểm toán báo cáo tài chính	811.090.908	7,64	767.272.727	7,28
2. Kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành	9.799.060.786	92,36	9.775.193.504	92,72
3. Dịch vụ soát xét báo cáo tài chính				
4. Dịch vụ kế toán				
5. Dịch vụ tư vấn thuế				
6. Dịch vụ thẩm định giá tài sản				
7. Dịch vụ tư vấn tài chính, quản lý, tư vấn nguồn nhân lực, ứng dụng công nghệ thông tin				
8. Dịch vụ bồi dưỡng tài chính, kế toán, kiểm toán				
9. Dịch vụ liên quan khác				



2.2. Cơ cấu doanh thu theo đối tượng khách hàng:

Đơn vị tính: VND

Đối tượng khách hàng	Năm nay			Năm trước		
	Số lượng khách hàng	Doanh thu		Số lượng khách hàng	Doanh thu	
		Số tiền	Tỷ lệ (%)		Số tiền	Tỷ lệ (%)
Tổng doanh thu	133	10.610.151.694	100	106	10.542.466.231	100
<b>A. Theo loại hình doanh nghiệp, tổ chức</b>						
1. Công ty cổ phần						
- Công ty cổ phần niêm yết						
- Công ty cổ phần chưa niêm yết	20	560.337.984	5,28	25	1.558.947.738	14,79
2. Công ty TNHH	22	1.229.800.000	11,59	20	911.727.272	8,65
3. Ban QLDA, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã	81	8.451.360.325	79,65	29	3.058.423.842	29,01
4. Đơn vị hành chính sự nghiệp, tổ chức đoàn thể xã hội	10	368.653.385	3,48	30	4.961.367.379	47,06
5. Dự án quốc tế, tổ chức khác	0	0	0	2	52.000.000	0,49
<b>B. Theo hình thức sở hữu</b>						
1. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	11	397.363.635	3,75	7	313.727.272	2,98
2. Doanh nghiệp nhà nước	81	6.759.263.752	63,70	47	4.600.355.181	43,63
3. Doanh nghiệp, đơn vị, tổ chức khác	41	3.453.524.307	32,55	52	5.628.383.778	53,39
<b>C. Theo tính chất và quy mô hoạt động</b>						
1. Các đơn vị có lợi ích công chúng	0	0	0	0	0	0
2. Doanh nghiệp, tổ chức khác	133	10.610.151.694	100	106	10.542.466.231	100

3. Kết quả kinh doanh:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1. Tổng số vốn điều lệ <sup>(1)</sup>	6.000.000.000	6.000.000.000
2. Tổng số vốn kinh doanh (vốn chủ sở hữu) thực tế <sup>(2)</sup>	6.461.008.726	6.434.625.043
3. Kết quả kinh doanh sau thuế (Lãi +; Lỗ -)	26.383.683	28.563.273
4. Nộp Ngân sách		
- Thuế Giá trị gia tăng	582.334.678,	575.055.121
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	7.574.634	10.191.173
- Thuế và các khoản phải nộp khác	42.835.659	65.279.532
5. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (%)	0,25	0,27
6. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn (%)	0,41	0,44
7. Số trích Quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp trong năm <sup>(2)</sup>	53.050.758	52.712.331
8. Số dư Quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp <sup>(2)</sup>	572.739.454	519.688.696

2808  
IG T  
HIEM H  
M TO  
/FA  
YAY

**4. Những thay đổi trong năm:**

- Về thay đổi Đăng ký kinh doanh: Điều chỉnh lần thứ 16 ngày 22/12/2019 về việc điều chỉnh từ CMND hết hiệu lực sang Thẻ CCCD của Anh Đỗ Quốc Bảo-Người đại diện theo Pháp luật của Công ty.
- Về tăng/giảm KTV: Bổ sung 01 kiểm toán viên: Hồ Thị Thúy - Chứng chỉ KTV số 5268/KTV ngày 22/9/2020; Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 5268-2020-154-1 ngày 22/12/2020.

**5. Thuận lợi, khó khăn và các kiến nghị, đề xuất hoặc thông tin khác công ty cần cung cấp cho Bộ Tài chính:**

- Thuận lợi: Khách hàng nhận thức đầy đủ hơn về yêu cầu kiểm toán để phối hợp cùng kiểm toán viên; các quy định và hướng dẫn chuyên ngành kế toán, kiểm toán dần hoàn thiện.
- Khó khăn: Cạnh tranh cao về giá phí giữa các công ty kiểm toán vừa và nhỏ ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và chất lượng chuyên môn.
- Kiến nghị:
  - Bộ Tài chính: Tăng cường hỗ trợ các công ty kiểm toán quy mô nhỏ bằng các quy định phù hợp; Vụ Chế độ cán bộ chức vụ định kỳ để trao đổi về những vướng mắc pháp lý.
  - VACPA: Cần cải tiến nội dung và phương pháp cập nhật kiến thức, sinh hoạt hội viên cá nhân của Hội; tiếp tục tăng cường gặp gỡ liên kết giữa các hội viên tập thể.
- Thông tin khác: Không

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2021

Người đại diện theo pháp luật

Giám đốc



Đỗ Quốc Bảo

